TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 60/2019/HNGĐ-ST
Ngày 29/10/2019
"V/v tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Vũ Văn Minh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thạnh

Ông Dương Đắc Hoan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nga - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa: Ông Trần Quang Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 10 năm 2019, Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế mở phiên tòa tai trụ sở để xét xử sơ thẩm vụ án tranh chấp ly hôn đã thụ lý số: 37/2019/TLST-HN ngày 23 tháng 7 năm 2019 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 151/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 9 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trương Thị P, sinh năm 1988;

Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện P, tỉnh T; có mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Duy T (T Duy Nguyen), sinh năm 1984;

Địa chỉ: 1128 B St, N VA, 23505, USA (Hoa Kỳ); có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của chị Trương Thị P đề ngày 25/6/2019 và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào năm 2011, chị Trương Thị P và anh Nguyễn Duy T quen biết nhau tại thành phố Huế, họ đã tìm hiểu và yêu nhau. Đến năm 2013, anh T đi sang Hoa Kỳ định cư theo diện đoàn tụ gia đình. Đến tháng 10 năm 2014 thì anh T về nước, họ đã cùng tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại nhà của chị P ở Thôn T, xã H, huyện P, tỉnh T. Họ đăng ký kết hôn tại Sở Tư pháp tỉnh Thừa Thiên Huế, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 02/10/2014. Sau khi kết hôn, anh T và chị P sống chung với nhau tại gia đình anh T số nhà 14A đường C, phường P, thành phố H. Khoảng 1 tháng sau thì anh T về Hoa Kỳ và tiến hành thủ tục bảo lãnh để đưa chị P sang đoàn tụ gia đình. Đến khoảng tháng 7/2016 thì chị P đã báo cho

anh T về Việt Nam để cùng đến Lãnh sự quán Hoa Kỳ xin được bảo lãnh nhưng không được chấp nhận và hồ sơ bảo lãnh của họ bị trả lại. Từ đó, anh T về Hoa Kỳ và chưa trở lại Việt Nam cho đến nay.

Do cả hai không đoàn tụ được, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị P có nguyện vọng xin được ly hôn đối với anh T để ổn định cuộc sống.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Chị P khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện;

Đối với anh Nguyễn Duy T: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã gửi Thông báo thụ lý vụ án, công văn yêu cầu anh T trả lời một số vấn đề cần thiết liên quan đến việc chị P xin ly hôn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Ngày 21/8/2019, Tòa án đã nhận được thư trả lời của anh Nguyễn Duy T đề ngày 05/8/2019, thư có nội dung: Anh T đã nhận được các giấy tờ liên quan vụ án do Tòa án gửi. Anh T đồng ý với yêu cầu xin ly hôn của chị P; Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Anh T xác nhận không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do bận công việc không về Việt Nam tham gia giải quyết vụ án nên anh T đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Ngày 30/10/2019, Nguyên đơn chị Trương Thị P cung cấp thêm cho Tòa án 01 Đơn đề nghị xét xử vắng mặt có chữ ký của anh T và 01 thông báo về thông tin tài khoản ngân hàng của anh T tại Ngân hàng Hoa Kỳ (bản Tiếng Anh). Các văn bản này do anh T gửi từ địa chỉ hộp thư điện tử của anh T cho chị P.

Chị Trương Thị P cam đoan xác nhận chữ viết trên bì thư và chữ ký trong Thư đề tên anh Nguyễn Duy T gửi cho Tòa án đề ngày 05/8/2019 đúng là chữ viết và chữ ký của anh Nguyễn Duy T.

Về kiểm sát tuân theo pháp luật về tố tụng và về nội dung giải quyết vụ án, tại phiên tòa Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế có ý kiến như sau: Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, những người tham gia tố tụng trong vụ án đều tuân theo pháp luật tố tụng dân sự không vi phạm gì cần phải kiến nghị để khắc phục. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 122, khoản 1 Điều 127 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và qua thẩm tra tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh T định cư ở Hoa kỳ, có đơn xin xét xử vắng mặt, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ đã thể hiện được ý kiến của anh T về việc giải quyết vụ án. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận và xét xử vắng mặt anh T theo khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Quan hệ hôn nhân giữa chị Trương Thị P và anh Nguyễn Duy T là hợp pháp. Sau khi kết hôn, do không đoàn tụ được nên tình cảm vợ chồng phai nhạt, hai vợ chồng không chung sống với nhau nhiều năm, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh Nguyễn Duy T cũng đã hồi đáp thư cho Tòa án về việc đồng ý ly hôn. Vì vậy, cần chấp nhận cho chị P được ly hôn với anh T là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Chị Trương Thị P và anh Nguyễn Duy T đều xác định không có và không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[4] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Trương Thị P phải chịu theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 123, Khoản 2 Điều 127 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị P được ly hôn với anh Nguyễn Duy T.

2. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Trương Thị P phải chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai số 005545 ngày 23/7/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thừa Thiên Huế. Chị P đã nộp đủ án phí.

Án xử sơ thẩm công khai, chị Trương Thị P có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Duy T có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn một tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh TT Huế;
- Cục THADS tỉnh TT Huế;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tòa DS;
- Lưu HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)`

Vũ Văn Minh